TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HSST
Ngày: 27-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quang Vinh.

Bà Hoàng Thị Lá.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà***: Ông Mã Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phương Văn A, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1988 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phương Văn E; con bà: Hà Thị S; vợ: Lăng Thị T, sinh năm 1987; con: Có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 14/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

2. Triệu Xuân B, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1986 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn M, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn U; con bà: Lý Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện

Chi Lăng từ ngày 14/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

3. Triệu Văn C, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1989 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn T; con bà: Phan Thị N; vợ: Lăng Thị M, sinh năm 1992; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền sự: Ngày 28/7/2017 bị Công an huyện Chi Lăng xử phạt hành chính về tội "Cố ý gây thương tích"; tiền án: Không; nhân thân: xấu; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 14/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

4. Nông Văn D, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1986 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn F; con bà: Vi Thị Đ; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 14/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

5. Đàm Quang K, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1985 huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn G, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Quang B; con bà: Nguyễn Thị T; vợ: Nông Thị Z, sinh năm 1986; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: không tốt; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 13/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

6. Phương Minh E, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1982 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phương Văn X; con bà: Phùng Thị M; vợ: Lương Thị P, sinh năm 1987; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 13/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

7. Triệu Văn I, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1971 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 2/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn C; con bà: Nông Thị L; vợ: Lành Thị X, sinh năm 1971; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 13/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

8. Vi Văn Y, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1985 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn Ư; con bà: Triệu Thị Q; vợ: Đàm Thị H, sinh năm 1990; con: có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không tốt; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 13/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

9. Nông Thị J, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1971 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn H; con bà: Hoàng Thị Đ; chồng: Hà Văn L, sinh năm 1970; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 13/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

10. Triệu Đức F, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1988 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn N; con bà: Lý Thị S; vợ: Triệu Thị G, đã chết; con: Có 01 con đã chết; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 13/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

11. Phương Minh L, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1982 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phương Minh P; con bà: Phương Thúy M; vợ: Lý Thị N, sinh năm 1989; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017; tiền

án, tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 13/11/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị N, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- Người làm chứng:

1. Bà Lâm Thị Z. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Anh Linh Văn V, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn Y, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Anh Lương Văn G, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn M, thị trấn H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Chị Lăng Thị T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 12 tháng 11 năm 2017, sau khi ăn cỗ mừng nhà mới tại nhà Phương Văn A xong, Triệu Xuân B đi vào gian bếp nhà mới của A thì thấy có bát, đĩa, quân vị, chiếu được dải sẵn (không biết ai chuẩn bị). Thấy vậy B cầm cái xóc đĩa cho mọi người đánh bạc, lúc này Đàm Quang K, Phương Minh L, Vi Văn Y, Triệu Văn I, Triệu Đức F đến tham gia đánh bạc cùng. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Triệu Văn C đến, thấy không có bảng vị, C đã đi tìm bìa cát tông để làm bảng vị, trực tiếp cầm bảng vị tham gia đánh bạc cùng mọi người. B cầm cái xóc đĩa khoảng 10 ván thì chuyển cái lại cho C cầm. C cầm cái xóc đĩa được khoảng 05 ván thì chuyển cho Phương Văn A, C tiếp tục cầm bảng vị. Sau đó có Nông Văn D, Nông Thị J, Phương Minh E đến tham gia đánh bạc cùng.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12 tháng 11 năm 2017, Công an huyện Chi Lăng phát hiện bắt quả tang Đàm Quang K; Phương Minh E; Triệu Văn I; Vi Văn Y; Nông Thị J; Triệu Đức F; Phương Minh L, còn một số đối tượng khác đã chạy thoát. Thu giữ: Số tiền tại chiếu bạc 1.500.000đ và các vật dụng phục vụ đánh bạc gồm: 04 quân vị hình tròn có hai mặt, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng; 01 chiếc bát bằng sứ và 01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng; 01 chiếu cói 1,9m x 1,6m; 01 miếng bìa cát tông được kẻ chia làm 04 ô vuông, mỗi ô vẽ các hình tròn để phân biệt ô chẵn, ô lẻ (ô có 01 màu đen 03 màu trắng, hoặc 01 màu trắng 03 màu đen là lẻ; ô 04 màu trắng hoặc 04 màu đen là chẵn); thu giữ trên người Triệu Đức F 1.330.000đ.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, Phương Văn A; Triệu Văn C; Nông Văn D, và Triệu Xuân B đến Công an huyện Chi Lăng đầu thú về hành vi đánh bạc tại nhà Phương Văn A ngày 12 tháng 11 năm 2017. Phương Văn A giao nộp lại 40.000đ; Triệu Văn C giao nộp lại 2.230.000đ cầm theo người khi bỏ chạy. Xác định tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc và trên người các đối tượng dùng để đánh bạc là 5.100.000đ.

Hình thức đánh bạc mà các bị cáo thực hiện như sau: Quá trình đánh bạc có một người cầm cái, sau khi người cầm cái cho quân vị vào đĩa và úp bát vào xóc (chưa mở bát), những người còn lại đặt cược tiền tùy ý vào cửa chẵn là bên tay phải người cầm cái hoặc cửa lẻ là bên tay trái người cầm cái. Cửa lẻ được quy ước là 3 quân vị cùng màu và 1 quân khác màu. Cửa chẵn là có 2 hoặc 4 quân vị cùng màu. Khi người chơi đặt cược tiền xong thì người cầm cái mở bát, nếu kết quả là lẻ thì ai đặt cửa lẻ được thắng tiền, nếu chẵn thì người đặt cửa chẵn thắng tiền theo tỷ lệ 1 ăn 1, số tiền đặt cược ở cửa chẵn, lẻ đều do người cầm cái lấy hoặc trả cho người đặt cược.

Đặt cược theo bảng vị: Nếu người chơi tham gia đặt cược vào các ô trong bảng vị thì khi mở bát, các quân vị phải có số quân trùng màu đúng như vẽ trên các ô trong bảng vị mới được thắng tiền; nếu đặt ô có 01 màu đen 03 màu trắng, hoặc 01 màu trắng 03 màu đen (lẻ); nếu đặt ô 04 màu trắng hoặc 04 màu đen (chẵn) thì thắng theo tỉ lệ 1 ăn 3. C dựa vào kết quả xóc đĩa của người cầm cái để tính tiền, nếu người chơi thắng thì C trả tiền theo tỷ lệ nhân lên như đã quy ước ở các ô, nếu người chơi thua thì C lấy số tiền gốc đó. Mỗi ván người chơi cược tiền tùy ý. Quá trình đánh bạc các đối tượng không bị thu tiền hồ hay bất cứ khoản tiền nào khác.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận được tham gia đánh bạc tại nhà Phương Văn A vào ngày 12 tháng 11 năm 2017 sau khi ăn cỗ mừng nhà mới. Khi tham gia đánh bạc: A có 660.000đ, khi bỏ chạy cầm theo 40.000đ; B có 240.000đ; C có 1.230.000đ; khi bỏ chạy cầm theo 2.230.000đ; D có 80.000đ; K có 50.000đ; E có 50.000đ; I có 10.000đ; Y có 50.000đ; J có 100.000đ; F có 1.380.000đ, khi bị bắt còn 1.330.000đ; L có 200.000đ. Ngoài ra các bị cáo có mặt tại phiên tòa, không có ai khác tham gia đánh bạc cùng các bị cáo vào ngày 12 tháng 11 năm 2017.

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 04 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích,

tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L phạm tội "Đánh bạc".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 45; 53; 60; khoản 2 Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Phương Văn A, Triệu Xuân B, Nông Văn D, Triệu Văn I.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20; 45; 53; 60; khoản 2 Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Phương Minh E, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 45; 53; 60; khoản 2 Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Đàm Quang K, Vi Văn Y.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 33; 45; 53; khoản 2 Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Triệu Văn C

Đề nghị xử phạt các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B từ 09 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 30 tháng; các bị cáo Nông Văn D, Triệu Văn I từ 06 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 20 tháng; các bị cáo Đàm Quang K, Phương Minh E, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F, Phương Minh L từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; bị cáo Triệu Văn C từ 06 đến 09 tháng tù được trừ đi thời hạn tạm giam. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với mỗi bị cáo từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Đề nghị tịch thu và sung quỹ Nhà nước số tiền 5.100.000đ. Tịch thu và tiêu hủy 01 chiếc bát bằng sứ; 01 chiếc đĩa bằng sứ; 04 quân vị hình tròn; 01 miếng bìa cát tông được kẻ chia làm 04 ô; 01 đôi dép màu đen; 01 chiếu cói. Trả lại cho bà Phan Thị N số tiền 10.000đ.

Phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể: Khoảng 14 giờ 30 ngày 12 tháng 11 năm 2017, tại nhà Phương Văn A ở thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng thì bị Công an huyện Chi Lăng phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.100.000đ (năm triệu một trăm nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

[2] Cáo trạng số: 09/CT - VKS, ngày 04/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo: Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L về tội " Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi đó đang là một trong những tệ nạn xã hội nhức nhối, phức tạp, bị xã hội lên án, cần phải bài trừ, đó cũng là một trong nguyên nhân dẫn đến các tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, gây mất an ninh, trật tự của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn nhu cầu sát phạt lẫn nhau bằng tiền và hơn hết là vì mục đích hám lợi nên các bị cáo phải chịu hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm trong trường hợp giản đơn, không có người chủ mưu, không có người đứng ra tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo nên phải xem xét đến vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi đó. Bị cáo Phương Văn A là chủ nhà nơi tổ chức đánh bạc, tham gia đánh bạc với vai trò người cầm cái cho đến khi bị bắt quả tang, bị cáo là người có vai trò tích cực nhất trong vụ

án; bị cáo Triệu Xuân B là người khởi xướng việc đánh bạc đầu tiên để các bị cáo tham gia đánh bạc và là người cầm cái đầu tiên nên bị cáo là người có vai trò quan trọng sau bị cáo A; bị cáo Triệu Văn C là người chuẩn bị bảng vị, quá trình đánh bạc là người cầm cái sau đó mới chuyển sang cho Phương Văn A nên vai trò tiếp theo thuộc về bị cáo C; các bị cáo còn lại Nông Văn D, Phương Minh E, Triệu Văn I, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L, Đàm Quang K và Vi Văn Y tham gia đánh bạc với vai trò ít quan trọng so với 03 bị cáo ở trên vì chỉ là người tham gia đánh bạc. Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Nông Văn D, Phương Minh E, Triệu Văn I, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo Đàm Quang K và Vi Văn Y có nhân thân không tốt vì đã có tiền án, tuy nhiên đã được xóa án tích. Bị cáo Triệu Văn C có nhân thân xấu vì ngày 28 tháng 7 năm 2017 bị Công an huyện Chi Lăng xử phạt hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích".

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Phương Minh E, Triệu Văn I, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Đàm Quang K và Vi Văn Y thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; là lao động chính trong gia đình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Nông Văn D, Triệu Văn C đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân tại Cơ quan điều tra; ngoài ra các bị cáo Triệu Văn C, Triệu Văn I có bố đẻ là ông Triệu Văn T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự

[8] Theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, số tiền hay hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ 2.000.000đ là phạm tội đánh bạc nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, số tiền hay hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ 5.000.000đ mới phạm tội đánh bạc. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì đây là tình tiết có lợi cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[9] Xét thấy các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L tuy thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến việc phòng chống tội phạm của địa phương nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội. Bị cáo Triệu Văn C là người có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhất tuy nhiên bị cáo có 01 tiền sự do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để đảm bảo tính răn đe và giáo dục đối với các bị cáo, điều này phù hợp với xác minh về điều kiện để thi hành án của cơ quan điều tra.

[11]. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về tội danh, về hình phạt đối với các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L là hợp lý và cần được chấp nhận.

[12] Về vật chứng: Đối với số tiền 5.100.000đ là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu và sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 10.000đ do bà Phan Thị N giao nộp cho cơ quan điều tra, xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bà N. Đối với 01 chiếc bát; 01 chiếc đĩa; 04 quân vị hình tròn; 01 miếng bìa cát tông; 01 đôi dép màu đen; 01 chiếu cói là những công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[13] Về án phí: Các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 45, 53; khoản 2 Điều 30 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phương Văn A.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 45, 53; khoản 2 Điều 30 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự

năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Triệu Xuân B.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 33, 45, 53; khoản 2 Điều 30 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Triệu Văn C.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 45, 53; khoản 2 Điều 30 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Văn D.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 45, 53; khoản 2 Điều 30 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đàm Quang K.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53; khoản 2 Điều 30 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phương Minh E.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 45, 53; khoản 2 Điều 30 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Triệu Văn I.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 45, 53; khoản 2 Điều 30 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vi Văn Y.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53; khoản 2 Điều 30 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Thị J.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53; khoản 2 Điều 30 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Triệu Đức F.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53; khoản 2 Điều 30 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phương Minh L.

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Phương Văn A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo A cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo A có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Triệu Xuân B 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo B cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo B có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn C 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 11 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2017. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nông Văn D 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Đàm Quang K 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phương Minh E 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo E cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo E có trách nhiệm phối hợp với

chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn I 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo I cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo I có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Vi Văn Y 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo Y cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo Y có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nông Thị J 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo J cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo J có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Triệu Đức F 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo F cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo F có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phương Minh L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và sung quỹ Nhà nước số tiền 5.100.000đ (năm triệu một trăm nghìn đồng).

Tịch thu và tiêu hủy 01 chiếc bát bằng sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 miếng bìa cát tông được kẻ chia làm 04 ô; 01 đôi dép màu đen, cỡ số 02, ký hiệu "Tiitas"; 01 chiếu cói kích thước 1,6 x 1,9 m.

Trả lại cho bà Phan Thị N số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng).

(theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng ngày 06 tháng 02 năm 2018 và theo ủy nhiệm chi ngày 06 tháng 02 năm 2018).

Về án phí: Bị cáo Phương Văn A, Triệu Xuân B, Triệu Văn C, Nông Văn D, Đàm Quang K, Phương Minh E, Triệu Văn I, Vi Văn Y, Nông Thị J, Triệu Đức F và Phương Minh L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự để sung công quỹ Nhà nước.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Chi Lăng;
- Cơ quan CSĐT Công an H.Chi Lăng;
- Cơ quan THAHS Công an H.Chi Lăng;
- Nhà tạm giữ Công an H. Chi Lăng;
- Chi cục thi hành án H.Chi Lăng;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thị Hương Giang